

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày 26 -11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Khanh.

Ông Trịnh Thái Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Xuân Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 10/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với:

**- Bị cáo:** Lò A N; sinh năm 1983; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò A H, sinh năm 1960 (chết năm 2010) và con bà: Giàng Thị Đ, sinh năm 1961; có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; có vợ: Vũ Thị D, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**- Nguyên đơn dân sự:** UBND xã M, huyện B; người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn T; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã M (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình điều tra Lò A N khai nhận khoảng tháng 11/2020 đến tháng 01/2021, do cần tiền tiêu xài cá nhân, nảy sinh ý định khai thác gỗ nghiền xẻ thành thớt bán. Khoảng tháng 11/2020 (không nhớ rõ ngày), một mình đi bộ mang theo 01 máy cưa xăng nhãn hiệu 5900 màu sơn đỏ - đen đi lên khu rừng cách nhà khoảng 30 phút phát hiện 01 cây gỗ nghiền bị bật gốc, bị người khác

khai thác một phần từ trước (Cây gỗ nghiêng thứ nhất ký hiệu G02), dùng máy cưa xăng cắt phần thân của cây gỗ Nghiến trên được 01 khúc gỗ tròn dài 1,65m, đường kính 01m (ký hiệu K2G2), rồi xẻ dọc khúc gỗ thành hai phần bằng nhau, chọn lấy một phần rồi xẻ  $\frac{1}{2}$  khúc gỗ (khối lượng  $0,583\text{m}^3$ ) được 04 chiếc thớt đường kính 40cm, dày 6cm.

Đến tháng 12/2020 (không nhớ rõ ngày) Lò A N tiếp tục đi lên khu rừng trên thì phát hiện 01 cây gỗ Nghiến còn đứng (Cây gỗ nghiêng thứ hai ký hiệu G01 tổng khối lượng  $6,627\text{m}^3$ ), dùng máy cưa xăng cắt đổ cây gỗ trên sau đó cắt phần thân của cây được 01 khúc gỗ tròn dài 0,5m, đường kính 0,72m rồi xẻ thành 06 chiếc thớt đường kính 40cm, dày 6cm.

Đến tháng 01/2021 (không nhớ rõ ngày) Lò A N tiếp tục đi lên khu rừng trên cắt hạ 01 cây gỗ Nghiến còn đứng (Cây gỗ nghiêng thứ ba ký hiệu G03 tổng khối lượng  $7,326\text{m}^3$ ), dùng máy cưa xăng cắt đổ cây gỗ trên sau đó cắt phần thân của cây được 01 khúc gỗ tròn dài 0,5m, đường kính 0,67m xẻ thành 04 chiếc thớt đường kính 40cm, dày 6cm.

Tổng cộng 03 lần, Lò A N xẻ được 14 chiếc thớt gửi đi bán cho những người lạ mặt (không rõ nhân thân, lai lịch) giá 80.000 đồng/chiếc. Số tiền bán thớt có được đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26/8/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định vị trí 03 cây gỗ nghiêng bị khai thác thuộc địa phận Thôn L, xã M, huyện B, thuộc tiểu khu 129, khoảnh 15, lô 26; Loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên (theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng giai đoạn 2016-2025 do UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt); Do UBND xã Minh Ngọc quản lý. Sau khi khám nghiệm hiện trường đã trích mẫu đi giám định và lập biên bản tạm giao 03 gốc, 10 khúc, tổng khối lượng là  $12,66\text{m}^3$  gỗ nghiêng nhóm IIA còn tại hiện trường cho UBND xã M quản lý.

Ngày 22/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành xác định hiện trường, kết quả Lò A N chỉ dẫn các vị trí phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu có trong hồ sơ. Qua đó xác định tổng khối lượng 03 cây gỗ Nghiến nhóm IIA trên là  $21,486\text{m}^3$ , trong đó Lò A N khai thác trái phép là  $14,536\text{m}^3$  (Mười bốn phẩy năm trăm ba mươi sáu mét khối).

Bản kết luận giám định số 471 ngày 23/9/2021 của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện Khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam xác định các mẫu M1, M2, M3 trong phong bì A2 do Lò A N khai thác là gỗ nghiêng (tên khoa học *Excentrodendron tonkinense*). Loài nghiêng có tên trong Bảng IIA nhóm II tại “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 25/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 03 cây gỗ nghiêng nhóm IIA tổng khối lượng là  $14,536\text{m}^3$  giá trị là 148.267.200đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm đồng).

**Tang vật thu giữ:** 03 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng còn lại tại hiện trường là  $12,66\text{m}^3$  (*Mười hai phẩy sáu mươi sáu mét khối*). Hiện tạm giao cho UBND xã M, huyện B quản lý.

Đối với 01 máy cưa xăng nhãn hiệu 5900, màu sơn đỏ - đen Lò A N khai sau khi sử dụng vào việc phạm tội đã bị hỏng và bán cho người thu mua phế liệu (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu hồi được.

**Về trách nhiệm dân sự:** Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự yêu cầu Lò A N bồi thường số tiền 9.812.400đ là số tiền tương đương giá trị của  $0,962\text{m}^3$  gỗ nghiến mà N đã xẻ thành thớt bán để sung vào ngân sách nhà nước, nay Lò A N chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSBM ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố Lò A N, về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo điểm b, khoản 1, Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Lò A N phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 232, Điều 38, điều 50; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo Lò A N từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách, từ 36 tháng đến 48 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường số tiền 9.812.400đ cho UBND xã M để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng là  $12,66\text{m}^3$ .

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

*Trợ giúp viên pháp lý bào chữa bị cáo Lò A N:* Nhất trí với quan điểm Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm b, khoản 1, Điều 232 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trong điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi bị phát hiện bị cáo tự ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình đáp ứng điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo gia đình hiện nay rất khó khăn thuộc hộ cận nghèo, các con của bị cáo còn nhỏ đang phải đi học cần có sự chăm sóc của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lò A N phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 232, điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lò A N 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại hoàn toàn nhất trí.

Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong vụ án này bị cáo là người dân tộc thiểu, thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Lò A N nhất trí với ý kiến của người bào chữa không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Nguyên đơn dân sự nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị, không có tranh luận gì.

Bị cáo thực hiện lời nói sau cùng xin cho hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11/2020 đến tháng 01/2021 Lò A N có hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ nghiêng nhóm IIA tổng khối lượng 14,536m<sup>3</sup> trị giá 148.267.200đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*). Vị trí khai thác thuộc tiểu khu 129, khoảnh 15, lô 26; Loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên (theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng giai đoạn 2016 - 2025 do UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt), do UBND

xã Minh Ngọc quản lý. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm b khoản 1, Điều 232 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện việc khai thác gỗ trái phép. Trong khi huyện Bắc Mê phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở hàng năm và đã có nhiều giải pháp quyết liệt tuyên truyền đến từng hộ dân để bảo vệ rừng, nhưng tình hình khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp. Bị cáo khai thác gỗ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật. Mục đích xẻ thốt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, đúng ra bị cáo phải xin phép cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép mới được khai thác gỗ, nhưng không xin phép mà tự ý khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật. Nên cần xử lý bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Bị cáo Lò A N đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật hình sự.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp 0/12 hiểu biết pháp luật còn hạn chế, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự lần nào, sau khi xảy ra vi phạm bị cáo đã đến cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, đáp ứng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo và chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm, không gây nguy hiểm cho xã hội và không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.812.400đ cho UBND xã M để sung vào ngân sách nhà nước. Hội đồng

xét xử, xét thấy đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Trong vụ án này có đối tượng liên quan: Ngoài Lò A N, còn có đối tượng khác thực hiện hành vi khai thác độc lập với Lò A N, hiện chưa có căn cứ xác định nhân thân, lai lịch do vậy Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ. Đối với những người mua thớt nghiến Lò A N khai thác trái phép do không có đủ cơ sở để xác định nhân thân, lai lịch của những người này do vậy không có cơ sở để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Từ những căn cứ nêu trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị có căn cứ được chấp nhận.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ”. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thì bị cáo là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định, là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo, không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng là 12,66m<sup>3</sup> (Mười hai phẩy sáu mươi sáu mét khối) do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] Về án phí: Bị cáo Lò A N là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò A N phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 232; điểm s, i khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò A N 20 (Hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 (Bốn mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò A N cho UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trong trường hợp thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lò A N bồi thường cho UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 9.812.400đ (*Chín triệu, tám trăm mười hai nghìn, bốn trăm đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 03 cây gỗ nghiến nhóm IIA có khối lượng còn lại tại hiện trường là 12,66m<sup>3</sup> (*Mười hai phẩy sáu mươi sáu mét khối*).

*(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).*

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14, khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lò A N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; Trợ giúp viên pháp lý;
- Nguyên đơn dân sự UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**